

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 303/2024/DS-PT

Ngày 19/7/2024

“V/v tranh chấp lối đi chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bình

**Các Thẩm phán:** Bà Phan Thị Hồng Dung  
Bà Hà Thị Phương Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp lối đi chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Đỗ Hữu N**, sinh năm 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: 1 đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1950. (Có mặt).

Địa chỉ: 1 đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**4. Người kháng cáo:** ông Nguyễn Văn V là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2022 và quá trình tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn ông **Đỗ Hữu N** trình bày:**

Gia đình ông **Đỗ Hữu N** có thửa đất tại địa chỉ 1, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/9/2015 tờ số 67, thửa 11, diện tích là 53m<sup>2</sup>. Ông N đã sử dụng thửa đất từ năm 2016 đến nay, cặp bên phần đất nhà ông N là lối đi chung với gia đình ông **Nguyễn Văn V** nhà số A, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Lối đi này đã có từ trước nhưng không thuộc quyền sở hữu của ai mà là lối đi chung của các hộ dân

xung quanh và nhà phía bên trong. Trong thời gian gần đây, ông Nguyễn Văn V đã tự ý rào chắn ngang trước hẻm nội bộ, cấp phần đất nhà ông N và sử dụng riêng như phần đất thuộc quyền sở hữu của ông V. Ông V không cho gia đình ông N và các hộ dân khác trong hẻm đi qua vì đã rào lại. Việc làm này ảnh hưởng rất nhiều đến việc đi lại hàng ngày của gia đình ông N.

Ngày 13/01/2022, ông N có làm tường trình về sự việc gửi đến Ủy ban nhân dân phường A để mong Ủy ban nhân dân phường hỗ trợ giải quyết. Ngày 18/02/2022, Ủy ban nhân dân phường A đã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường, Công an phường, Trưởng khu vực... và các bên liên quan để hòa giải tranh chấp. Theo đó, các bên đã không hòa giải thành, Đại diện Ủy ban nhân dân phường đã kết luận yêu cầu hộ Ông Nguyễn Văn V tháo dỡ hàng rào, di dời đồ đạc để trả lại lối đi chung cho các hộ dân xung quanh trong thời hạn 07 ngày. Nếu quá thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân phường sẽ xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại hộ ông V vẫn chưa tháo hàng rào và Ủy ban nhân dân phường A vẫn chưa xử lý theo biên bản làm việc ngày 18/02/2022.

Ngày 28/6/2022 Ủy ban nhân dân phường A có Công văn số 452/UBND về việc xử lý đơn của ông N. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường A đề nghị ông N liên hệ Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều để xem xét giải quyết theo quy định.

Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau: Đề nghị ông Nguyễn Văn V ngưng tại số A, đường T quận N, thành phố Cần Thơ tháo dỡ hàng rào, mái che và những vật dụng trên hẻm nhánh của hẻm A, đường T để trả lại cảnh quan cho các hộ dân có liên quan đến hẻm nội bộ số 182/14 và 182/14/1 đường T.

Nguyên đơn ông Đỗ Hữu N thống nhất với Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố C.

***Quá trình tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:***

Phần hẻm nội bộ mà ông Đỗ Hữu N khởi kiện là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn V, ông V đã ở và sử dụng con hẻm này từ trước năm 1975 cho đến nay. Ông N là người mới đến ở thời gian gần đây nên không nắm rõ nguồn gốc của phần hẻm này. Nếu ông N là người mới đến đây có nhu cầu sử dụng chung thì cùng nhau thỏa thuận trên tinh thần thiện chí với nhau. Trên con hẻm nội bộ, ông V có để xe mô tô của gia đình và làm cửa rào kéo bằng sắt để phòng trộm cắp. Ông V không thống nhất với yêu cầu của ông N.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V thống nhất với Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố C.

Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “*tranh chấp lối đi chung*”.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn V phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lối đi chung của nguyên đơn và phải tháo dỡ 01 cửa sắt kéo cao 2,2m x ngang 1,75m trên lối đi nội bộ tại vị trí tranh chấp (A) có diện tích 28,1m<sup>2</sup> đất ban hành kèm theo Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng về xem xét thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 17/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số:13/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- *Nguyên đơn ông Đỗ Hữu N trình bày*: ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý việc kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày*: ông không đồng ý việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có kháng cáo và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết. Vì ông cho rằng nguồn gốc đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông là thuộc quyền sử dụng của riêng hộ gia đình ông. Ông đã ở và sử dụng con hẻm này từ trước năm 1975 cho đến nay. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện ông không đồng ý.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, được miễn tiền tạm ứng án phí kháng cáo (do thuộc diện người cao tuổi) theo qui định nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ về mặt hình thức.

+ Về nội dung giải quyết:

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V là chưa có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ “tranh chấp lỗi đi chung” là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: bị đơn ông Nguyễn Văn V có kháng cáo trong hạn luật định, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (do thuộc đối tượng là người cao tuổi) đúng quy định, nên hợp lệ về mặt hình thức.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V:

[3.1] Về nội dung vụ án:

Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định:

Tại Công văn số 1537/CNVPĐKĐĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N có ý kiến: *“Đối với hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00878 Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 03 tháng 9 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận N chỉnh lý trên trang 4 ngày 19 tháng 5 năm 2016 sang tên cho ông Đỗ Hữu N là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm chỉnh lý trên Giấy chứng nhận”*.

Theo trích lục hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N cung cấp, nguồn gốc diện tích đất trên ông Nguyễn Ngọc T1 khai nhận thừa kế từ cha mẹ sau đó xin cấp giấy và chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T. Hồ sơ đã thể hiện các ranh mốc đất trước đây của thửa 67 tờ bản đồ số 11 cấp cho ông T1 đều có hẻm nội bộ. Đến thời điểm ông Đỗ Hữu N nhận chuyển nhượng trên giấy chứng nhận được cấp và hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N cung cấp vẫn thể hiện thửa đất số 67 tiếp giáp hẻm nội bộ chiều ngang 1.77m, chiều ngang còn lại là 1.47m.

- *Đối với hồ sơ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00244 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn V – bà Nguyễn Thu V1 là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận.*

Theo trích lục hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N cung cấp, nguồn gốc diện tích tại thửa đất số 68 tờ bản đồ số 11, diện tích 105.2m<sup>2</sup> do ông V mua lại (bằng giấy tay) của bà Nguyễn Thị Kim H ngày 08/01/1977, đến ngày 21/7/2006 thì ông V cùng bà V1 xin cấp giấy chứng nhận và được UBND quận N cấp ngày 11/12/2006. Trích lục hồ sơ lưu trữ, tại Sơ họa mốc giới thửa đất và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất có thể hiện hẻm nội bộ 1.5m và hẻm nội bộ trên cũng có thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00244 cấp cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thu V1.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2023 và Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C xác định thực tế như sau: Thửa số 67, diện tích: 51.7m<sup>2</sup>, loại đất

ODT, ông Đỗ Hữu N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang sử dụng là phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00878 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 03 tháng 9 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn T; Thửa số 68, diện tích: 103.6m<sup>2</sup>, loại đất ODT, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thu V1 (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang sử dụng là phù hợp hình thể với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00244.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn V – bà Nguyễn Thu V1. Ngoài ra, tại công văn số 391/UBND ngày 08/7/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ về việc phản hồi thông tin đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ như sau: *“Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ có liên quan, Ủy ban nhân dân phường A phản hồi thông tin như sau: Vị trí A phần đất tranh chấp có diện tích 28,1m<sup>2</sup> (theo Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023) thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 hộ dân là hẻm nội bộ, cụ thể: GCN QSĐĐ số H00244.QSĐĐ do UBND quận N cấp ngày 11/12/2006 cấp cho ông Nguyễn Văn V; GCN QSĐĐ số CH00878 do UBND quận N cấp ngày 03/9/2015, chỉnh lý sang tên ngày 19/5/2016 cho ông Đỗ Hữu N; GCN QSĐĐ số CH00468 do UBND quận N cấp ngày 17/5/2012, chỉnh lý sang tên ngày 29/11/2016 cho ông Nguyễn Văn L. Do đó, phần đất tranh chấp có diện tích 28,1m<sup>2</sup> (theo Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023) là hẻm nội bộ do các hộ dân nêu trên đang sử dụng”*. Do vậy, Tòa án có đủ cơ sở xác định được vị trí A phần đất tranh chấp (diện tích: 28.1m<sup>2</sup>) là hẻm nội bộ do các hộ gồm ông Nguyễn Văn V, ông Đỗ Hữu N và ông Nguyễn Văn L đang sử dụng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Đỗ Hữu N về việc yêu cầu bị đơn – ông Nguyễn Văn V tháo dỡ hàng rào, mái che và những vật dụng trên hẻm nội bộ là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn V ở cấp sơ thẩm có cung cấp các tài liệu, chứng cứ là “Giấy xác nhận nguồn gốc lối đi chung” do ông ghi ngày 23/02/2024 (bút lục số 272, 273) nhưng chưa có căn cứ để chứng minh phần đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sử dụng riêng của hộ gia đình ông.

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn V tại thửa đất số 68 tờ bản đồ số 11, diện tích 105.2m<sup>2</sup> do ông mua lại (bằng giấy tay) của bà Nguyễn Thị Kim H ngày 08/01/1977 đến ngày 21/7/2006 thì ông V cùng bà V1 xin cấp giấy chứng nhận và được UBND quận N cấp giấy ngày 11/12/2006. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00244.QSĐĐ do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn V – bà Nguyễn Thu V1 có thể hiện giáp hẻm nội bộ 1,5m. Đồng thời theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 697/VP.QSĐĐ ngày 25/9/2006 (bút lục số 212) sơ họa mốc giới thửa đất 68 tờ bản đồ số 11, diện tích 105,2m<sup>2</sup> đều thể hiện QSĐĐ của ông V tiếp giáp hẻm nội bộ 1,5m.

Ông Nguyễn Văn V cho rằng QSD đất ông đang rào chắn thuộc QSDĐ ông đã được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy chứng nhận QSDĐ ông được cấp có thể hiện hẻm nội bộ 1,5m và theo Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 thể hiện về ranh mốc QSDĐ của nguyên đơn và bị đơn sử dụng phù hợp hình thể với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn, bị đơn và giữa hai thửa đất số 67, 68 tờ bản đồ số 11 có một phần diện tích (phần A theo Bản trích đo địa chính số 690) là hẻm nội bộ dùng chung do các hộ gồm ông Nguyễn Văn V, ông Đỗ Hữu N và ông Nguyễn Văn L đang sử dụng (theo công văn số 391/UBND ngày 08/7/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ về việc phản hồi thông tin đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ). Do đây là đường đi nội bộ dùng chung cho các hộ nên bị đơn không có quyền ngăn cản nguyên đơn đi trên đường đi nội bộ này, việc bị đơn dựng rào chắn ngăn cản nguyên đơn đi trên đường đi nội bộ là không phù hợp với quyền sử dụng đất cấp cho các đương sự. Ngoài ra, phần đất làm đường đi là hẻm nội bộ dùng chung cho các hộ mà các bên đang tranh chấp, các chủ đất liền kề không có ý kiến về con đường đi nêu trên và hẻm nội bộ này cũng được cập nhật trên bản đồ địa chính (bút lục số 186). Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Do cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để có cơ sở xác định phần đất ở vị trí A (diện tích: 28.1m<sup>2</sup>) thuộc quyền quản lý sử dụng riêng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn V nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

[6.1] *Án phí dân sự sơ thẩm*: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[6.2] *Án phí dân sự phúc thẩm*: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên phải chịu án phí. Do ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 175 và Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu N về “*tranh chấp lối đi chung*”.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V phải chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lối đi chung của nguyên đơn ông Đỗ Hữu N và phải tháo dỡ 01 cửa sắt kéo cao 2,2m x ngang 1,75m trên lối đi nội bộ tại vị trí tranh chấp (A) có diện tích 28,1m<sup>2</sup> đất (ban hành kèm theo Bản trích đo địa chính số 690/TTKTTNMT ngày 12/7/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên Môi trường thành phố C).

2. Về chi phí tố tụng xem xét, thẩm định:

Bị đơn ông Nguyễn Văn V phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ Hữu N số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm:

*3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Đỗ Hữu N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000999 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

*3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Văn V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Văn Bình**